

Thị trường bất ngờ giảm sâu

Diễn biến điều chỉnh phiên giao dịch hôm nay diễn ra khá bình thường trong hơn nửa thời gian giao dịch nhưng áp lực bán bất ngờ mạnh lên ở cuối phiên và đặc biệt là phiên ATC khiến các chỉ số và nhiều cổ phiếu bất ngờ giảm mạnh. VNIndex đóng cửa ở 975.94 điểm giảm tới 13.6 điểm trong khi VN30 giảm mạnh hơn khi giảm tới 18 điểm đóng cửa ở 951.14 điểm. Thanh khoản toàn thị trường hơi sụt giảm nhẹ so với các phiên gần đây khi chỉ đạt mức 4.900 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng hầu hết giảm điểm với mức giảm tương đối mạnh dẫn đầu là BID -5.5%; CTG -4.6%; VCB -2.4%, MBB -2.5%; ACB -2.8%.... Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng giao dịch trong sắc đỏ với HCM -2.6%; VND -4.5%; SHS -4.6%; SSI -2.8%; VCI -3%...Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí diễn biến trái chiều nhưng tích cực hơn mặt bằng chung với GAS tham chiếu PLX -0.6%; PVS +1.9%; PVD -2.3%....Cổ phiếu ngành bán lẻ tiêu dùng biến động trái chiều với VNM tham chiếu, SAB -1%; PNJ -3%; MWG -1.3%...Nhóm cổ phiếu ngành sản xuất cũng giảm điểm như HPG -2.4%, BMP +1.1%, AAA -2.8%, CVT -4.6%. HSG -1.4%...cũng giảm điểm. Nhóm cổ phiếu ngành bất động sản và xây dựng đa số giảm điểm nhẹ như VIC, NVL, CTD, HBC, DXG, NLG... Số lượng cổ phiếu giảm điểm áp đảo trong phiên hôm nay với số lượng gấp đôi so với nhóm cổ phiếu giữ được đà tăng giá cho thấy mức độ giảm có tác động trên diện rộng

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch trầm lắng trong phiên hôm nay và khối này bán ròng nhẹ hơn 10 tỷ trên sàn HOSE. Áp lực bán ròng của khối này tập trung vào các mã VNM, VRE, BID, NVL, VIC..trong khi vẫn mua ròng tích cực MSN, VCB, YEG, DXG, VJC...

Thị trường giảm khá mạnh và đầy bất ngờ phiên hôm nay mặc dù không có tin tức tiêu cực nào và các thị trường chứng khoán chủ chốt khu vực vẫn tăng điểm tốt trong khi khối ngoại giao dịch cân bằng. Lực cầu tỏ ra khá yếu và thị trường không có những lực đẩy từ sự phân hóa trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như các phiên trước đó với phần đông các cổ phiếu chịu áp lực giảm. Mặc dù nội tại thị trường vẫn diễn biến tích cực với dòng tiền phân hóa ở nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ và tầm trung nhưng áp lực giảm điểm phiên hôm nay rõ ràng sẽ tạo ra những xáo trộn về mặt tâm lý cho các thành phần tham gia thị trường. Phiên giao dịch hôm nay cũng chưa làm thay đổi xu hướng hồi phục ngắn hạn hiện tại và hỗ trợ quanh mức 960 điểm của VNIndex sẽ đóng vai trò hỗ trợ quan trọng để bảo vệ vị thế tăng ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng thị trường đang bước vào nhịp điều chỉnh và khi mốc hỗ trợ 960 điểm chưa bị vỡ thì xu hướng hồi phục vẫn sẽ được duy trì với mục tiêu hướng về vùng MA200 ngày của chỉ số VNIndex tương ứng mức quanh 1016 điểm.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	975.9	111.2
% Thay đổi	-1.37	-1.39
Khối lượng	185.9	45.1
Giá trị (tỷ đồng)	3,987.4	751.3
Số mã tăng	103	70
Số mã giảm	188	82
Không thay đổi	73	223

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,196	-0.51
WTI Oil (\$/B) 1Mth	71	1.40
Brent Oil (\$/B) 1Mth	79	0.90
USDVND	23,315	-0.07
EURVND	26,942	0.74



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.98	-0.65%	20.47	4.88
Thực phẩm và đồ uống	18.47	-0.61%	25.10	7.24
Năng lượng	3.22	-0.65%	19.75	3.73
Tài chính	26.72	-2.61%	17.21	2.60
Y tế	0.98	-0.46%	19.19	3.14
Công nghiệp	7.99	-2.90%	17.35	4.18
Công nghệ thông tin	0.98	-0.43%	8.94	2.19
Vật liệu và hóa chất	4.62	-1.59%	10.23	1.84
Bất động sản	26.26	-0.65%	54.41	4.66
Dịch vụ tiện ích	7.65	-0.01%	16.27	4.02

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,363.9	1.27%	12.47	1.64	3,832.9
India	11,536.2	-0.40%	24.06	3.15	1,182.0
Indonesia	5,898.6	-1.16%	19.79	2.25	452.4
Laos	881.5	0.63%	6.80	0.36	1.1
Malaysia	1,811.7	-0.11%	16.18	1.92	273.0
Philippines	7,881.8	0.63%	20.24	2.17	183.1
Taiwan	11,021.4	0.52%	14.31	1.72	1,064.3
Thailand	1,720.0	-0.07%	17.05	2.04	529.5
Vietnam	975.9	-1.37%	17.62	2.74	135.6

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VHM	104,900	900	0.9	225,530	0.751
YEG	209,700	13,700	7.0	142,940	0.117
VHC	79,000	2,000	2.6	109,240	0.058
SJS	19,800	800	4.2	272,130	0.029
TCH	27,350	250	0.9	658,280	0.028

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
PVS	21,800	400	1.9	7.46MLN	0.091
HHC	72,200	6,500	9.9	700	0.060
L14	51,000	3,500	7.4	96,800	0.038
VCS	91,100	600	0.7	319,700	0.020
SRA	70,200	6,300	9.9	101,700	0.012

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
BID	32,500	-1,900	-5.5	4.09MLN	-2.024
VJC	145,100	-10,900	-7.0	524,240	-1.839
VCB	61,000	-1,500	-2.4	2.05MLN	-1.681
CTG	25,900	-1,250	-4.6	8.07MLN	-1.450
VIC	102,100	-1,300	-1.3	343,190	-1.293

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	38,000	-1,100	-2.8	5.96MLN	-1.203
SHB	8,300	-200	-2.4	6.28MLN	-0.209
VGC	18,300	-400	-2.1	2.44MLN	-0.082
SHS	14,500	-700	-4.6	1.57MLN	-0.064
VCG	17,500	-700	-3.9	2.11MLN	-0.047

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
FLC	6,270	-180	-2.8	10.96MLN	-0.040
ASM	12,900	200	1.6	9.93MLN	0.015
CTG	25,900	-1,250	-4.6	8.07MLN	-1.450
HAG	6,600	-190	-2.8	8.00MLN	-0.055
OGC	3,030	190	6.7	7.71MLN	0.018

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
PVS	21,800	400	1.9	7.46MLN	0.000
SHB	8,300	-200	-2.4	6.28MLN	0.000
ACB	38,000	-1,100	-2.8	5.96MLN	0.000
VGC	18,300	-400	-2.1	2.44MLN	0.000
VCG	17,500	-700	-3.9	2.11MLN	0.000

Nguồn: Bloomberg 04/09/18

TIN VĨ MÔ

PMI tháng 8 đạt 53.7 điểm, tăng trưởng sản lượng chậm lại - Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng Purchasing Managers' Index (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam của Nikkei – một chỉ số tổng hợp về kết quả hoạt động của ngành sản xuất – đạt 53.7 điểm trong tháng 8, cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện mạnh mẽ. Sức khỏe của lĩnh vực sản xuất đã mạnh lên trong 33 tháng liên tiếp. Tuy nhiên, kết quả mới nhất đã giảm từ mức 54.9 điểm của tháng 7 và phản ánh mức cải thiện yếu nhất về các điều kiện hoạt động trong 4 tháng.

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Dầu tăng giá trở lại, thép và cao su vẫn giảm - Giá dầu kết thúc phiên đầu tuần tháng 9 (3/9) tăng do loại sản lượng dầu Iran giảm sẽ khiến nguồn cung dầu thắt chặt khi lệnh trừng phạt của Mỹ có hiệu lực từ tháng 11/2018. Tuy nhiên mức tăng bị hạn chế bởi nguồn cung từ OPEC và Mỹ gia tăng. Giá thép cây kết thúc phiên vừa qua giảm mạnh sau công bố kết quả hoạt động tuần của các nhà máy thép tồi tệ nhất kể từ cuối tháng 3/2018. Giá thép cây kỳ hạn giao sau trên sàn Thượng Hải giảm 0,2% xuống 4.087 CNY (598,56 USD)/tấn. Trong tuần qua, giá thép cây đã giảm gần 6%, tuần giảm mạnh nhất trong gần 4 tháng. Giá cao su tại Tokyo kết thúc phiên chạm mức thấp nhất gần 2 tuần, chịu áp lực bởi giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải suy giảm.

TIN DOANH NGHIỆP

FPT - VietNam Equity Holding đã chuyển nhượng hơn 7,5 triệu cp - VietNam Equity Holding đã chuyển nhượng hơn 7,58 triệu cp FPT cho 3 tổ chức. Trong đó, Panah Master Fund nhận chuyển nhượng 1,18 triệu cp, Apollo Asia Fund Ltd nhận chuyển nhượng 2 triệu cp và The Ton Poh Fund nhận chuyển nhượng 4,4 triệu cp. Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu là 31/8.

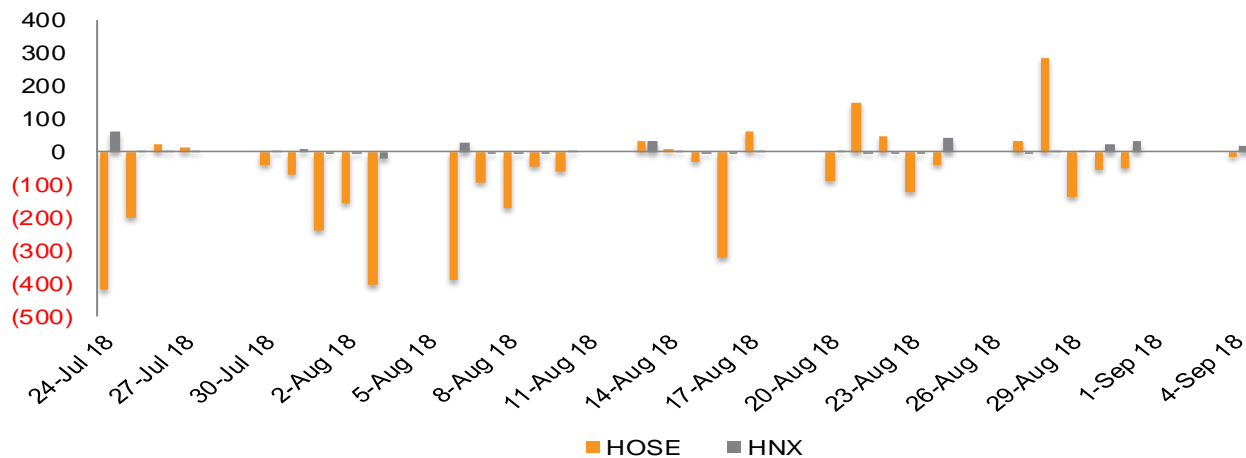
PVT - Muốn thoái toàn bộ 22,63% vốn tại PCT - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (mã PVT - HOSE) đã đăng ký bán toàn bộ 5,2 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 22,63% vốn của CTCP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (mã PCT - HNX) để giảm tỷ lệ sở hữu. Giao dịch dự kiến được thực hiện từ 5/9 đến 28/9 thông qua phương thức thỏa thuận.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE		HNX			HOSE		HNX	
MUA	6.7	-53.8%	1.8	-17.5%	MUA	343.6	-68.2%	32.4	-14.3%
% of market	3.6%	0-Jan	4.1%	0-Jan	% of market	8.8%	0-Jan	4.3%	0-Jan
BÁN	11.3	-25.0%	1.6	98.3%	BÁN	357.6	-68.3%	14.2	110.1%
% of market	6.1%	0-Jan	3.5%	0-Jan	% of market	9.2%	0-Jan	1.9%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	(4.58)		0.3		MUA (BÁN) RÒNG	(14.0)		18.2	

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khỏi ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE		HNX		GTGD (Tỷ đồng)	HOSE		HNX	
		% of 2017		% of 2017			% of 2017		% of 2017
MUA	3,307.3	93.3%	340.4	85.0%	MUA	192,462.8	113.9%	6,331.1	76.0%
% of market	9.7%	0-Jan	3.7%	0-Jan	% of market	19.6%	0-Jan	3.8%	0-Jan
BÁN	3,084.2	94.7%	360.5	88.5%	BÁN	162,796.3	112.6%	6,971.8	80.9%
% of market	9.0%	0-Jan	3.9%	0-Jan	% of market	16.5%	0-Jan	4.2%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	223.1		(20.1)		MUA (BÁN) RÒNG	29,666		(640.7)	

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOÀI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
MSN	18,300	-1,000	-1.05	56.5	-0.362
VHM	28,300	900	0.87	54.4	0.751
TCB	8,300	-200	-0.76	37.5	-0.218
VCB	21,800	-1,500	-2.40	32.0	-1.681
YEG	8,300	13,700	6.99	29.9	0.117

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VGC	18,300	-400	-2.14	27.8	0.000
DBC	28,300	0	0.00	1.5	0.000
SHB	8,300	-200	-2.35	0.9	0.000
PVS	21,800	400	1.87	0.4	0.000
PPS	8,300	200	2.47	0.2	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VHM	21,800	900	0.87	58.9	0.751	
VNM	13,400	0	0.00	48.5	0.000	
TCB	3,000	-200	-0.76	37.5	-0.218	
VRE	12,200	-1,450	-3.68	31.3	-0.859	
BID	14,500	-1,900	-5.52	22.0	-2.024	

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
PVS	21,800	400	1.87	4.5	0.000	
NDN	13,400	200	1.52	4.4	0.000	
TIG	3,000	-100	-3.23	2.6	0.000	
TNG	12,200	200	1.67	0.6	0.000	
SHS	14,500	-700	-4.61	0.5	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
MSN	18,300	-1,000	-1.05	37.7	-0.362	
VCB	28,300	-1,500	-2.40	29.7	-1.681	
YEG	8,300	13,700	6.99	29.7	0.117	
VJC	8,300	-10,900	-6.99	10.7	-1.839	
DXG	13,400	-1,200	-4.23	8.8	-0.128	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VGC	18,300	-400	-2.14	27.8	0.000	
DBC	28,300	0	0.00	1.5	0.000	
SHB	8,300	-200	-2.35	0.5	0.000	
PPS	8,300	200	2.47	0.2	0.000	
CEO	13,400	-400	-2.90	0.1	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VNM	13,400	0	0.00	-41.9	0.000	
VRE	21,800	-1,450	-3.68	-30.9	-0.859	
BID	3,000	-1,900	-5.52	-20.6	-2.024	
NVL	12,200	-200	-0.31	-17.1	-0.057	
SCR	38,000	-250	-2.67	-10.6	-0.025	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
NDN	13,400	200	1.52	-4.38	0.000	
PVS	21,800	400	1.87	-4.06	0.000	
TIG	3,000	-100	-3.23	-2.56	0.000	
TNG	12,200	200	1.67	-0.56	0.000	
TV3	38,000	0	0.00	-0.37	0.000	

04/09/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	102,100	-8.4	3.0	30.7	325,865	3,192	57.6	21.5	1,389,130	79.0	7.3	11.2	1.7
2 VHM	104,900	-3.8	-11.0	N/A	281,091	2,680	100.0	33.3	555,117	44.7	3.0	N/A	N/A
3 VNM	156,700	-3.0	-10.5	-21.4	227,403	1,451	46.2	40.9	892,707	25.8	8.7	34.9	28.8
4 VCB	61,000	4.3	2.9	-15.0	219,464	3,598	22.9	9.2	2,148,930	19.4	3.8	20.5	1.2
5 GAS	103,000	10.0	11.6	-12.0	197,137	1,914	4.2	45.4	537,424	17.8	4.6	27.4	17.7
6 SAB	223,800	12.0	-7.4	-1.8	143,519	641	10.4	39.3	68,017	31.6	9.1	31.2	21.9
7 BID	32,500	22.4	6.6	-14.0	111,108	3,419	4.4	27.4	3,419,362	13.9	2.2	16.8	0.7
8 MSN	94,000	10.6	11.6	2.7	99,005	1,053	37.9	20.1	559,110	17.5	5.8	32.2	8.8
9 CTG	25,900	13.3	-7.3	-20.8	96,436	3,723	15.8	0.0	5,985,472	12.4	1.4	12.2	0.7
10 TCB	26,100	-7.9	-23.5	N/A	91,261	3,497	81.8	0.0	1,590,048	8.6	1.9	24.3	3.2
11 HPG	39,000	7.4	-9.0	-17.6	82,832	2,124	55.8	10.0	5,988,333	9.3	2.3	30.1	17.6
12 VJC	145,100	-2.0	2.2	-13.8	78,588	542	53.2	5.3	765,797	15.3	7.4	67.1	19.7
13 PLX	67,400	7.7	7.3	-22.5	78,104	1,159	6.3	9.0	847,795	20.8	4.2	18.3	6.0
14 VRE	37,900	-8.7	-16.9	-31.3	72,051	1,901	100.0	17.5	1,202,724	47.9	2.8	5.7	5.6
15 BVH	90,300	15.8	-4.8	9.6	63,290	701	31.2	24.2	123,080	49.7	4.2	8.5	1.3
16 VPB	25,700	-3.4	-10.5	-28.9	62,272	2,423	75.8	0.0	4,681,578	9.6	2.2	26.9	2.5
17 NVL	64,800	4.5	24.4	-1.1	58,803	907	31.1	40.5	550,644	25.6	4.2	18.7	4.7
18 MBB	23,100	0.0	-9.7	-19.6	49,906	2,160	61.2	0.0	5,990,774	10.9	1.7	16.3	1.5
19 MWG	118,400	5.2	8.6	-2.6	38,227	323	85.7	0.0	578,384	14.0	5.1	43.9	13.7
20 HDB	37,400	4.3	-13.0	-14.1	36,689	981	100.0	2.8	1,466,917	19.0	2.6	14.9	1.0
21 FPT	44,100	3.5	-6.7	-17.0	27,058	614	81.7	0.0	1,043,049	8.7	2.3	28.6	11.4
22 ROS	40,000	-4.6	-35.5	-65.8	22,704	568	27.0	46.7	1,041,154	29.1	3.9	14.6	8.3
23 STB	11,250	1.8	-10.4	-28.3	20,291	1,804	94.0	13.5	4,937,789	13.7	0.9	6.4	0.4
24 BHN	81,500	-5.8	-25.1	-44.9	18,892	232	0.9	31.4	1,005	29.4	5.0	17.3	6.7
25 TPB	26,800	8.7	-9.2	N/A	17,844	666	95.3	0.0	252,935	15.6	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,000	-0.4	-6.0	-7.0	17,212	1,229	83.8	0.0	187,936	14.0	1.1	8.6	0.9
27 PNJ	100,000	4.7	-13.3	-8.1	16,214	162	64.1	0.0	459,152	19.6	4.8	33.9	19.8
28 HNG	17,900	5.6	114.1	186.4	15,875	887	44.7	56.2	2,786,191	N/A	1.4	-4.1	-1.4
29 SSI	30,700	5.7	-8.1	-19.2	15,345	500	76.7	44.4	3,703,572	11.9	1.7	14.4	6.9
30 CTD	163,000	1.2	10.9	-6.2	12,761	78	87.0	5.6	190,488	8.0	1.7	22.5	11.8
31 KDH	31,700	5.7	-4.2	-13.4	12,294	388	76.5	3.5	185,357	20.4	1.9	10.0	6.0
32 DHG	92,700	-7.3	-15.0	-11.3	12,120	131	31.9	53.9	211,120	23.0	4.1	18.4	14.1
33 GEX	28,100	-4.7	-1.4	-2.3	11,424	407	77.2	38.0	3,232,620	11.1	2.0	22.3	6.9
34 REE	35,400	4.1	4.4	-5.1	10,976	310	84.4	0.0	612,018	6.7	1.3	20.9	12.5
35 VCI	61,300	9.7	-10.0	-8.0	9,992	163	65.3	58.7	118,236	14.3	3.3	30.5	13.9
36 TCH	27,350	-2.3	-4.7	34.4	9,662	353	50.0	45.2	1,424,714	25.4	2.1	8.5	7.8
37 DXG	27,200	5.0	-17.3	-12.9	9,311	342	70.0	3.2	2,964,268	9.5	2.2	26.2	9.5
38 SBT	18,700	13.3	18.4	3.6	9,264	495	50.9	91.6	3,195,909	17.8	1.5	11.1	4.2
39 SCS	167,000	-2.1	N/A	N/A	8,348	50	99.1	33.6	N/A	25.6	9.9	40.8	35.2
40 HCM	60,100	2.9	-10.8	-24.8	7,786	130	66.5	39.0	291,999	9.8	2.7	29.3	16.8
41 GMD	26,200	1.9	-4.2	-29.7	7,779	297	60.8	0.0	620,451	4.2	1.3	30.1	18.3
42 NT2	26,400	-2.9	-6.9	-16.2	7,600	288	32.1	27.4	142,703	9.1	2.1	19.5	8.5
43 VHC	79,000	6.8	39.8	49.6	7,292	92	38.5	60.4	143,507	9.2	2.3	27.2	15.0
44 PAN	57,800	0.0	-9.4	-15.1	6,946	120	60.0	59.4	40,901	15.3	2.5	16.0	6.8
45 DPM	17,700	-1.9	0.6	-21.7	6,927	391	40.2	28.8	575,614	12.3	0.9	8.0	5.9
46 PDR	25,450	1.8	-17.1	-18.2	6,780	266	37.8	42.0	1,005,908	12.9	2.2	19.4	5.4
47 VPI	42,000	1.0	N/A	N/A	6,720	160	100.0	38.8	209,249	9.8	3.6	38.8	13.1
48 YEG	209,700	4.9	N/A	N/A	6,559	31	100.0	0.0	8,960	84.8	16.4	29.0	11.6
49 CII	26,000	1.6	-6.0	-24.5	6,363	245	88.1	13.9	469,063	N/A	1.3	-0.3	-0.1
50 NLG	30,300	1.5	6.8	2.1	6,360	210	63.3	0.0	446,441	13.3	1.7	13.3	5.5
51 KDC	30,350	-10.9	-10.5	-26.0	6,242	206	41.7	28.3	122,929	N/A	1.0	-1.0	-0.5
52 HAG	6,600	-7.7	42.9	4.9	6,121	927	63.8	40.4	11,123,890	N/A	0.5	-4.4	-1.2
53 PPC	18,100	-1.1	5.5	-9.0	5,803	321	24.7	33.7	163,346	5.9	1.0	17.3	11.5
54 PVD	15,100	0.7	10.2	-32.0	5,781	383	49.4	29.8	3,409,551	N/A	0.4	-0.1	0.0
55 KBC	12,000	3.0	-4.4	-8.7	5,637	470	75.4	31.7	1,955,479	12.8	0.7	5.3	2.9
56 LGC	28,850	6.9	35.8	40.7	5,564	193	N/A	4.0	5	33.5	2.2	6.7	1.8
57 DCM	10,150	-1.9	-6.5	-17.8	5,373	529	24.4	45.0	508,572	12.9	0.8	6.6	3.8
58 FRT	76,400	7.9	-14.2	N/A	5,195	68	92.4	1.5	14,799	18.5	6.5	42.9	6.8
59 PME	68,500	-3.2	-3.8	-4.5	5,138	75	99.0	0.0	13,000	15.8	3.2	19.3	16.0
60 TLG	76,400	10.4	1.1	-2.6	5,021	66	26.7	72.1	3,450	20.3	4.2	22.3	16.2

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>